TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST Ngày: 28 - 3 - 2019 V/v tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Phước Nghĩa

2. Bà Đoàn Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố Tà L, thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Vũ P**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố Tà L, thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Năm 2013, chị và anh Nguyễn Vũ P quen biết và yêu thương nhau, sau thời gian tìm hiểu được sự thống nhất của hai bên gia đình, anh chị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 20/4/2015. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Khương, sinh ngày 07/8/2015. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, Nng từ năm 2016 đến nay, tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, nguyên nhân do anh P không quan tâm đến vợ con, chỉ lo ăn chơi, còn gây nợ, làm mất uy tín của gia đình chị N. Chị N đã khuyên can anh P nhiều lần Nng anh P không sửa đổi, khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần.

Đến nay, chị N không còn yêu thương anh P nữa nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Về con, từ nhỏ cháu Khương sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác nhận quá trình chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ P trình bày: Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 2013 và có 01 con chung N chị N trình bày. Quá trình chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Anh thừa nhận nguyên nhân rạn nứt hôn nhân là do anh sai trái, không quan tâm, chăm lo cho vợ con, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Tuy nhiên anh còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Vũ P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử Nng tại phiên tòa ngày 28/02/2019 anh P vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành giao Quyết định hoãn phiên tòa cho anh P Nng anh P không có mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án đã niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 20/4/2015, dó đó hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu chị N và anh P chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Khương, sinh ngày 07/8/2015, Nng kể từ năm 2016 tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, anh P không chí thú làm ăn, thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con, chị N đã khuyên can anh P nhiều lần Nng anh P không sửa đổi, làm cho tình cảm của chị đối với anh P phai nhạt dần. Mặc dù anh P sống bên gia đình vợ Nng từ năm 2017 đến nay chị N và anh P sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy giữa anh chị không còn đời sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh P, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho chị N ly hôn với anh P theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Từ nhỏ đến nay, cháu Nguyễn Vũ Khương chung sống với chị N và ở bên nhà cha mẹ chị N, anh P tuy sống cùng gia đình vợ Nng anh P làm nghề đi biển nên không có điều kiện thường xuyên ở nhà để chăm sóc con, hơn nữa cháu Khương còn nhỏ rất cần tình yêu thương của mẹ nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu, cần giao cháu Nguyễn Vũ Khương cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N sống bằng nghề làm may tại nhà, có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi con nên chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng, giữa anh chị không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kiều N ly hôn với anh Nguyễn Vũ P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Khương, sinh ngày 07/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Khương thành niên (đủ 18 tuổi). Anh P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kiều N không yêu cầu anh Nguyễn Vũ P phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000610 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Vũ P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND TT Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai